

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

-  -

DƯƠNG THỊ VIỆT HIỀN

**TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI
HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI CÁC CHI NHÁNH
NHNo&PTNT KHU VỰC MIỀN TRUNG**

Chuyên ngành : Tài chính - Ngân hàng

Mã số : 60.34.20

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Đà Nẵng - Năm 2010

**Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS.Lê Huy Trọng

Phản biện 1 : TS. Võ Thị Thuý Anh

Phản biện 2 : TS. Nguyễn Phùng

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 20 tháng 10 năm 2010

** Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Trong các hoạt động kinh doanh của ngân hàng, tín dụng là hoạt động kinh doanh quan trọng và chủ yếu, tuy mang lại nguồn lợi nhuận lớn nhất nhưng cũng gặp không ít rủi ro. Mọi sự đổ vỡ về tín dụng sẽ gây hậu quả nghiêm trọng không những cho bản thân ngân hàng mà còn cả nền kinh tế. Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ là một công cụ quản lý hữu hiệu để kiểm soát hoạt động kinh doanh của ngân hàng nhằm đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra với hiệu quả cao nhất.

Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các Chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung thời gian qua bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những mặt hạn chế làm cho công tác này chưa thực sự phát huy được hiệu quả, chưa đáp ứng được nhu cầu của ban lãnh đạo ngân hàng. Đặc biệt trong những năm gần đây, hoạt động tín dụng các Chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung ngày càng được mở rộng, nhưng đồng thời với tăng trưởng là rủi ro tín dụng thể hiện qua nợ xấu gia tăng.

Vì vậy, việc chọn đề tài “*Tăng cường kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại các chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khu vực miền Trung*” cho luận văn tốt nghiệp cao học là cấp thiết và đáp ứng yêu cầu đặt ra trong thực tiễn, góp phần giúp các chi nhánh nâng cao hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI

Nghiên cứu nội dung, mô tả thực trạng và nhận xét những ưu điểm và hạn chế của công tác KSNB đối với hoạt động tín dụng tại các Chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung. Trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm tăng cường KSNB đối với hoạt

động tín dụng, góp phần nâng cao chất lượng tín dụng tại các Chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu các vấn đề lý luận, thực tiễn liên quan đến kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng và một số giải pháp tăng cường kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại các chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung với các dữ liệu trong giai đoạn từ năm 2007 - 2009.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Sử dụng phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp và so sánh, đối chiếu, tư duy logic...

5. NHỮNG ĐÓNG GÓP KHOA HỌC

Thông qua luận văn, đã hệ thống được lý luận cơ bản về kiểm soát nội bộ tín dụng của NHTM. Đồng thời giúp các Chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung soi rọi lại các tồn tại, hạn chế trong công tác KSNB đối với hoạt động tín dụng. Luận văn cũng đã đưa ra một số giải pháp có khả năng ứng dụng để đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng của các Chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung.

6. KẾT CẤU CỦA ĐỀ TÀI

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng trong ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại các chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp tăng cường kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại các chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TRONG NGÂN HÀNG

1.1. Lý luận chung về kiểm soát nội bộ trong NHTM

1.1.1. Khái niệm hệ thống kiểm soát nội bộ

- Theo Quyết định số 36/2006/QĐ-NHNN ngày 1/8/2006 của NHNN VN thì hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ được định nghĩa “là tập hợp các cơ chế chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của các TCTD được thiết lập trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và được tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro và đạt được các mục tiêu mà TCTD đã đặt ra.

1.1.2. Mục tiêu, nhiệm vụ của hệ thống kiểm soát nội bộ

1.1.2.1. Mục tiêu của hệ thống kiểm soát nội bộ

- *Mục tiêu hoạt động*: Bảo đảm cho ngân hàng hoạt động tuân thủ pháp luật và các quy định, quy trình nội bộ về quản lý và hoạt động, và các chuẩn mực đạo đức do ngân hàng đặt ra..

- *Mục tiêu thông tin*: Bảo đảm hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời.

- *Mục tiêu tuân thủ*: Bảo đảm tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ..

1.1.2.2. Nhiệm vụ của hệ thống kiểm soát nội bộ

- Ngăn ngừa thiếu sót trong hệ thống xử lý nghiệp vụ
- Bảo vệ ngân hàng trước những thất thoát tài sản có thể tránh
- Đảm bảo việc chấp hành chính sách kinh doanh

1.1.3. Các nguyên tắc hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ

Hoạt động của hệ thống KSNB phải đảm bảo các nguyên tắc:

Một là: Mọi rủi ro đều phải được nhận dạng, đo lường, đánh giá một cách thường xuyên, liên tục để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và có biện pháp quản lý rủi ro thích hợp.

Hai là: Hoạt động kiểm tra, KSNB là một phần không tách rời của các hoạt động hàng ngày của TCTD.

Ba là: Cơ chế phân cấp ủy quyền phải được thiết lập, thực hiện một cách hợp lý, cụ thể, rõ ràng, tránh các xung đột lợi ích.

Bốn là: Đảm bảo chấp hành chế độ hạch toán, kế toán theo quy định, phải có hệ thống thông tin nội bộ hợp lý, tin cậy, kịp thời.

Năm là: Hệ thống thông tin, tin học của TCTD phải được giám sát, bảo vệ an toàn và phải có cơ chế quản lý dự phòng độc lập để đảm bảo hoạt động kinh doanh thường xuyên, liên tục.

Sáu là: Đảm bảo mọi nhân viên của TCTD đều phải quán triệt được tầm quan trọng của hoạt động kiểm tra, KSNB và phải thực hiện đầy đủ các quy định, quy trình kiểm tra, KSNB liên quan.

Bảy là: Người điều hành phải thường xuyên xem xét, đánh giá về tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm tra, KSNB.

Tám là: TCTD phải thường xuyên, liên tục kiểm tra và tự kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy trình nội bộ.

Chín là: Lãnh đạo của TCTD phải báo cáo, đánh giá về kết quả kiểm tra, KSNB tại đơn vị mình; đề xuất biện pháp xử lý gửi lãnh đạo quản lý trực tiếp theo định kỳ hoặc đột xuất.

1.2. Kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng NHTM

1.2.1. Phân biệt kiểm soát tín dụng và kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng

*** Kiểm soát tín dụng:**

Kiểm soát tín dụng tại ngân hàng thương mại là việc ngân hàng theo dõi, kiểm tra cơ cấu, danh mục tín dụng đã thực hiện hoặc

từng khoản vay đã giải ngân nhằm xác định vấn đề, rủi ro (tiềm tàng/ thực tế hoặc tương lai) tại thời điểm sớm nhất để có các hành động ngăn chặn, xử lý thích hợp để bảo toàn vị thế của ngân hàng trước khi quá muộn. Kiểm soát tín dụng bao gồm 2 nội dung chính: Kiểm soát danh mục và kiểm soát từng khoản vay.

*** Kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng:**

Kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng là toàn bộ các chính sách, các bước kiểm soát và thủ tục kiểm soát đối với hoạt động tín dụng được thiết lập trong nội bộ ngân hàng nhằm đảm bảo thực hiện 3 mục tiêu:

- Hoạt động tín dụng của ngân hàng an toàn và hiệu quả;
- Hệ thống thông tin, sổ sách, báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động tín dụng chính xác, đáng tin cậy và kịp thời;
- Đảm bảo hoạt động tín dụng trong ngân hàng phải tuân thủ theo các quy định, các cơ chế chính sách, pháp luật hiện hành, các chiến lược, các chính sách kinh doanh và quy trình nghiệp vụ mà các cấp lãnh đạo quản lý và điều hành của ngân hàng đã quy định.

1.2.2. Các yếu tố cơ bản của hệ thống KSNB hoạt động tín dụng

1.2.2.1. Môi trường kiểm soát

Gồm các nhân tố bên trong và bên ngoài có tính chất môi trường tác động đến hoạt động và sự hữu hiệu của các chính sách, thủ tục KSNB ngân hàng.

1.2.2.2. Hệ thống kế toán

Tính kiểm soát của hệ thống kế toán được thực hiện qua 3 giai đoạn của quá trình kế toán: Lập chứng từ, hệ thống sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính.

1.2.2.3. Các thể thức kiểm soát hoạt động tín dụng

Các thể thức kiểm soát là những chính sách, thủ tục giúp cho việc thực hiện các chỉ đạo của người quản lý. Các thủ tục kiểm soát được xây dựng trên các nguyên tắc: phân chia trách nhiệm thích hợp, bất kiêm nhiệm, ủy quyền và phê chuẩn, chứng từ và sổ sách đầy đủ, bảo vệ tài sản vật chất và sổ sách, kiểm tra độc lập, phân tích rà soát.

1.2.3. Các tiêu chí đánh giá thực trạng KSNB hoạt động tín dụng

Để nắm bắt thực trạng KSNB đối với hoạt động tín dụng, phải bắt đầu từ việc tìm hiểu về các bước công việc và các khâu kiểm soát trong quy trình nghiệp vụ tín dụng phải đảm bảo: Kiểm tra kiểm soát trong tất cả các khâu của quá trình cho vay; thực hiện kiểm soát thường xuyên đối với tất cả các khoản nợ vay của khách hàng, hoàn thiện bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

Do vậy các tiêu chí đánh giá thực trạng KSNB hoạt động tín dụng bao gồm:

1.2.3.1. Kiểm soát quy trình xét duyệt cho vay

Hệ thống KSNB trong khâu này cần kiểm soát các nội dung trên hồ sơ, đảm bảo tính phù hợp về mặt hình thức của các hồ sơ khách hàng. Hệ thống KSNB cần tập trung vào tính tuân thủ các qui định của ngân hàng và hành lang pháp lý của Nhà nước.

1.2.3.2. Kiểm soát quy trình giải ngân

Ở khâu này, nguyên tắc “phân công, phân nhiệm” phải được thiết kế nhằm làm rõ trách nhiệm của các cá nhân khi ký kết hợp đồng tín dụng. KSNB trong khâu này cần lưu ý nguyên tắc “bất kiêm nhiệm” giữa người phê duyệt khế ước với bộ phận theo dõi hợp đồng tín dụng trên sổ sách, và người chuyển tiền cho khách hàng. Rủi ro có thể xảy ra là tài liệu giải ngân không đầy đủ, khế ước nhận nợ không được phê duyệt đúng thẩm quyền, các lần giải ngân không được vào sổ đúng số tiền....

1.2.3.3. Kiểm soát công tác kế toán nghiệp vụ tín dụng

Mục tiêu kiểm soát trong khâu này tập trung vào việc tính toán, đánh giá cũng như phân loại, hạch toán các nội dung trên hợp đồng tín dụng tuân thủ qui định của chuẩn mực kế toán hiện hành, và phù hợp với yêu cầu quản lý của ngân hàng. Ở khâu này hệ thống KSNB phải kiểm tra, đối chiếu tình hình thu hồi nợ giữa bộ phận kế toán với bộ phận tín dụng; phân loại nợ, trích và sử dụng dự phòng có đúng qui định hiện hành hay không.

1.2.3.4. Kiểm tra quá trình giám sát vốn sau khi giải ngân

- Kiểm tra quá trình giám sát việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng tín dụng về sử dụng vốn vay, thanh toán nợ gốc và lãi.

- Kiểm tra quá trình cập nhật tình hình tài chính của người vay vốn, tiến độ thực hiện dự án, phương án, hiện trạng TSBĐ và việc ghi nhận kết quả thẩm tra.

- Kiểm tra việc tập hợp các báo cáo về vốn và lãi vay quá hạn.

- Kiểm soát quá trình thu hồi nợ xấu.

1.2.3.5. Hoạt động của hệ thống kiểm tra, KSNB:

Để quản lý rủi ro tín dụng, ngoài việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ để kiểm soát và ngăn ngừa các yếu tố bên ngoài thì việc xây dựng một hệ thống kiểm soát nội bộ đối với nghiệp vụ tín dụng hữu hiệu và hiệu quả sẽ có tác dụng rất lớn nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu các nguyên nhân chủ quan gây ra rủi ro tín dụng.

Kết luận chương 1

Chương 1, luận văn đã hoàn thành một số nội dung chính:

Đã trình bày những lý luận cơ bản gồm các khái niệm, mục tiêu, nhiệm vụ của hệ thống KSNB trong NHTM. Trong đó tập trung làm rõ các yếu tố của hệ thống KSNB đối với hoạt động tín dụng, các tiêu chí đánh giá thực trạng KSNB hoạt động tín dụng trong NHTM.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ
ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI CÁC CHI NHÁNH
NHNo&PTNT KHU VỰC MIỀN TRUNG

2.1. Khái quát tình hình hoạt động tại các Chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung

2.1.1. Khái quát tình hình kinh tế - xã hội khu vực ảnh hưởng đến hoạt động của các Chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung

Khu vực miền Trung gồm các tỉnh duyên hải từ Quảng Bình đến Khánh Hòa và 4 tỉnh Bắc Tây Nguyên.

2.1.2. Khái quát về các chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung

2.1.2.1. Tổ chức bộ máy

Bao gồm 15 chi nhánh loại 1, loại 2. Chi nhánh loại 1 gồm: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk. Chi nhánh loại 2 gồm: Hải Châu, Đắk Nông, Buôn Hồ.

2.1.2.2. Trình độ đội ngũ cán bộ viên chức và cán bộ tín dụng

Tổng số CBVC toàn khu vực đến cuối năm 2009 là 4.823 người, trên 70% có trình độ đại học, số chưa qua đào tạo chiếm tỷ lệ dưới 5%. Về đội ngũ CBTD, đa số có trình độ đại học (từ 79%-83%)

2.2. Thực trạng hoạt động tín dụng tại các chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung

2.2.1. Cơ chế chính sách tín dụng

NHNo&PTNT Việt Nam đã cụ thể hóa nhiều quy chế, quy định, văn bản hướng dẫn liên quan đến hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống

2.2.2. Tình hình dư nợ cho vay tại các chi nhánh

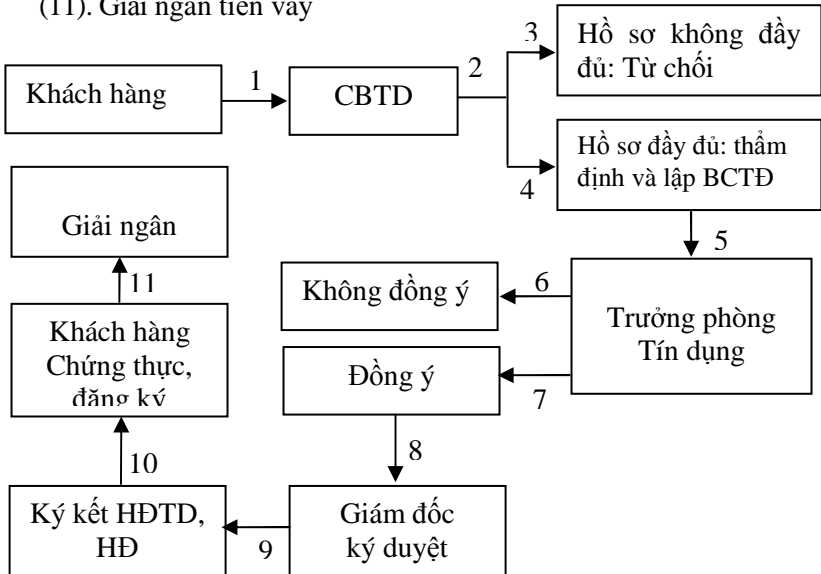
Hoạt động tín dụng các Chi nhánh trong khu vực tăng qua các năm

2.3. Thực trạng công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại các Chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung

2.3.1. Kiểm soát quy trình xét duyệt cho vay

Quy trình xét duyệt cho vay thực hiện thống nhất, bao gồm:

- (1): CBTD hướng dẫn khách hàng lập hồ sơ vay vốn.
- (2): CBTD tiếp nhận và tiến hành thẩm định bộ hồ sơ vay vốn
- (3): Trường hợp hồ sơ vay không đáp ứng thì từ chối cho vay.
- (4): Trường hợp hồ sơ cho vay đầy đủ thì thực hiện đăng ký các thông tin, cấp mã khách hàng. Tiến hành thẩm định.
- (5): CBTD lập báo cáo thẩm định trình Trưởng phòng TD kiểm tra.
- (6): TPTD nếu không đồng ý thì ghi rõ lý do hoặc thẩm định lại.
- (7): TPTD nếu đồng ý cho vay thì phê duyệt trên BCTĐ.
- (8): Giám đốc Chi nhánh NHNo phê duyệt khoản vay.
- (9): CBTD lập HĐTD, HDBĐTV; TPTD kiểm tra, trình Giám đốc.
- (10): Yêu cầu khách hàng công chứng HDBĐ, đăng ký GDBĐ.
- (11). Giải ngân tiền vay



Hình 2.2. Sơ đồ quy trình xét duyệt cho vay

Quy trình xét duyệt cho vay như trên là rõ ràng, có sự phân công giữa cấp xét duyệt nghiệp vụ và những người thực hiện nghiệp vụ. Tuy nhiên, trong quy trình này CBTD đồng thời là cán bộ làm công tác thẩm định, đồng thời trực tiếp cho vay. Điều này đã ảnh hưởng đến chất lượng công tác thẩm định những khoản vay với số tiền lớn, cần phải có một hội đồng để tư vấn cho công tác thẩm định và quyết định cho vay.

2.3.2. Kiểm soát quy trình giải ngân

Giải ngân phát tiền vay theo dõi thu nợ do CBTD thực hiện.

(1): CBTD kiểm tra, kiểm soát hồ sơ trước khi giải ngân.

(2): Nhập thông tin đăng ký đơn xin vay.

(3): Trưởng phòng TD phê duyệt đơn xin vay.

(4): Đăng ký thông tin về tài sản bảo đảm. Phối hợp với bộ phận kế toán, kho quỹ thực hiện nhận, nhập kho tài sản bảo đảm.

(5): Giải ngân tiền vay. Ở màn hình này phải qua phê duyệt của Trưởng phòng tín dụng và Giám đốc.

Với quy trình giao dịch như trên, dữ liệu thông tin nhập vào hệ thống phải căn cứ vào phê duyệt của lãnh đạo trên hồ sơ và trên máy.

Tuy nhiên, toàn bộ quy trình xét duyệt và giải ngân cho vay đều do CBTD thực hiện toàn bộ các khâu. Như vậy quy trình tín dụng như trên chưa chặt chẽ, dễ xảy ra những sơ hở lợi dụng phê duyệt hồ sơ vay sai quy định dẫn đến rủi ro.

2.3.3. Kiểm soát công tác kế toán nghiệp vụ tín dụng

2.3.3.1. Về chứng từ kế toán nghiệp vụ tín dụng

Chứng từ kế toán nghiệp vụ tín dụng được lập theo mẫu biểu chứng từ kế toán quy định trong hệ thống NHNo&PTNT Việt Nam.

2.3.3.2. Về kiểm soát chứng từ kế toán

Kiểm tra tính đúng đắn của các yếu tố ngay tại thời điểm phát sinh đến khi ghi chép vào sổ sách kế toán gọi là kiểm soát chứng từ.

2.3.3.3. Về nội dung hạch toán kế toán nghiệp vụ tín dụng

*** Hạch toán kế toán công tác giải ngân**

Được thực hiện theo trình tự: Lập chứng từ kế toán giải ngân; hạch toán trên sổ sách kế toán chi tiết; theo dõi và ghi chép nội dung cần thiết vào phụ lục Hợp đồng tín dụng.

*** Hạch toán kế toán thu nợ đến hạn**

Công tác kế toán thu nợ đến hạn được thực hiện như sau: Hạch toán thu nợ, kế toán theo dõi và quản lý trên hợp đồng tín dụng:

*** Công tác báo cáo thống kê nghiệp vụ tín dụng**

Báo cáo về hoạt động tín dụng của các Chi nhánh gửi về NHNN hàng tuần và cuối tháng, gửi NHNo&PTNT Việt Nam theo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Tổng Giám đốc. Ngoài ra, bộ phận tín dụng phải thường xuyên báo cáo cho ban lãnh đạo để theo dõi và có biện pháp chỉ đạo xử lý kịp thời.

2.3.4. Kiểm tra và giám sát vốn sau khi giải ngân

Kiểm tra và giám sát khoản vay do CBTD thực hiện ngay sau khi phát tiền vay hoặc định kỳ, đột xuất.

CBTD có trách nhiệm theo dõi lịch trả nợ gốc, lãi của khách hàng, lập thông báo nợ đến hạn, nợ quá hạn gửi cho khách hàng, đơn đốc khách hàng trả nợ gốc và lãi đúng hạn.

Quá trình kiểm tra và giám sát tín dụng tại các chi nhánh trong khu vực chưa được thực hiện một cách toàn diện như: không quy định cụ thể về thời điểm kiểm tra sau khi cho vay, do vậy nhiều khoản cho vay CBTD để rất lâu mới kiểm tra sử dụng vốn vay. Nội dung thể hiện trên biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay nhiều khi còn sơ sài, đôi khi chỉ lập để đối phó. Việc gửi thông báo nợ đến hạn cho khách hàng chưa được thực hiện đầy đủ.

2.3.5. Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng

2.3.5.1. Tổ chức bộ máy, nhiệm vụ của bộ phận kiểm tra, KSNB

a. Tổ chức bộ máy kiểm tra, kiểm soát nội bộ

Bộ phận này được tổ chức trực thuộc Giám đốc chi nhánh loại 1, loại 2. Bộ máy gồm có trưởng phòng, phó phòng và các kiểm tra viên. Số lượng biên chế cán bộ kiểm tra, kiểm soát do từng chi nhánh bố trí, không có quy định số lượng cụ thể.

Bảng 2.4. Số lượng và trình độ cán bộ làm công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ các chi nhánh khu vực miền Trung năm 2007- 2009

Đơn vị tính: người.

Số TT	Chi nhánh	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
		T.số	Đ.học	T.số	Đ.học	T.số	Đ.học
1	Quảng Bình	10	5	12	6	7	6
2	Quảng Trị	7	5	5	3	4	3
3	TT Huế	13	10	13	11	9	8
4	Đà Nẵng	6	5	6	6	5	5
5	Hải Châu	-	-	1	1	3	3
6	Quảng Nam	5	4	5	4	5	5
7	Quảng Ngãi	8	7	8	7	8	7
8	Bình Định	12	9	11	9	10	8
9	Phú Yên	11	8	11	8	11	8
10	Khánh Hòa	7	6	7	6	8	7
11	Gia Lai	6	6	6	6	5	5
12	Kon Tum	7	7	8	8	8	8
13	Đắk Lắk	7	4	9	6	8	6
14	Đắk Nông	3	2	3	1	3	2
15	Buôn Hồ	-	-	-	-	1	1
	Tổng cộng	102	78	105	82	95	82

- Số lượng cán bộ kiểm tra, kiểm soát có trình độ đại học chiếm đa số và tăng dần qua các năm. Về điều kiện làm việc: được trang bị đầy đủ phương tiện làm việc, được cấp user để vắn tin trên IPCAS phục vụ cho công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

Qua kết quả so sánh tỷ lệ cán bộ kiểm tra kiểm soát với số lượng chi nhánh loại 3 để bộ thấy được khả năng đảm đương thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát tại các chi nhánh cho thấy, các chi nhánh tỷ lệ cán bộ kiểm tra so với số chi nhánh loại 3 CN (CNL3) thấp chưa đảm bảo cho hoạt động KTKSNB như: Buôn Hồ, Quảng Nam, Gia Lai, Đắk Lắk, Đà Nẵng; Đắk Nông, Quảng Trị. Với lực lượng như vậy, để thực hiện tốt nhiệm vụ, bộ phận kiểm tra kiểm soát phải có sự kết hợp với phòng tín dụng tăng cường kiểm tra chuyên đề thì mới đảm bảo cho hoạt động kiểm tra, giám sát tín dụng.

b. Nhiệm vụ của bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ:

- Xây dựng chương trình công tác phù hợp với chương trình kiểm tra, kiểm soát của NHNo&PTNT Việt Nam và của đơn vị.
- Tuân thủ tuyệt đối sự chỉ đạo nghiệp vụ kiểm tra, kiểm toán.
- Tổ chức thực hiện kiểm tra, kiểm soát theo đề cương, chương trình của NHNo&PTNT VN và kế hoạch của đơn vị.
- Tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm tra, kiểm soát, việc chỉnh sửa các tồn tại thiếu sót của chi nhánh.
- Đầu mối phối hợp với các đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.
- Phát hiện những vấn đề chưa đúng về pháp chế trong các văn bản do giám đốc chi nhánh ban hành để kiến nghị chỉnh sửa.

Với những nhiệm vụ như trên, phòng KTKSNB các Chi nhánh đã tổ chức triển khai thực hiện theo đúng chức năng nhiệm vụ và chỉ đạo của NHNo&PTNT Việt Nam và Giám đốc Chi nhánh.

2.3.5.2. Phương pháp và nội dung kiểm tra, KSNB hoạt động tín dụng

Phương pháp kiểm tra đang thực hiện là kiểm tra trực tiếp, bằng cách thông qua việc kiểm tra lại từng hồ sơ tín dụng hồ sơ tín dụng, từng chứng từ kế toán nghiệp vụ cho vay, đối chiếu so với quy định có vấn đề gì sai sót, từ đó đưa ra kết quả trình lãnh đạo ngân

hàng để chỉ đạo sửa sai và xử lý. Phương pháp này giúp cho cán bộ làm kiểm tra dễ thực hiện, có cơ sở để đánh giá từng chứng từ, hồ sơ đã thực hiện có đúng so với quy định hay không.

Những nội dung bắt buộc phải kiểm tra gồm:

- Kiểm tra việc tổ chức, chỉ đạo, điều hành hoạt động tín dụng
- Kiểm tra hồ sơ vay vốn của khách hàng:
- Kiểm tra đối chiếu trực tiếp với khách hàng vay vốn:

Hàng năm, các đề cương về kiểm tra hoạt động tín dụng của NHNo&PTNT Việt Nam đều đảm bảo đầy đủ các nội dung nêu trên; các đề cương kiểm tra theo yêu cầu của Giám đốc chi nhánh chủ yếu là kiểm tra hồ sơ vay vốn và đối chiếu trực tiếp và thường không có nội dung về kiểm tra chỉ đạo điều hành hoạt động tín dụng.

2.3.5.3. Kết quả kiểm tra, KSNB hoạt động tín dụng tại các Chi nhánh

a. Số lượng các cuộc kiểm tra:

Số lượng các cuộc kiểm tra và kiểm tra tín dụng tại các chi nhánh có xu hướng tăng mạnh ở năm 2009. Điều này cho thấy công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động tín dụng ngày càng được tăng cường cùng với sự phát triển của quy mô hoạt động kinh doanh. Tại một số chi nhánh có số cuộc kiểm tra và kiểm tra về công tác tín dụng năm 2009 giảm hơn so với năm 2007 và 2008 như: TT Huế, Đà Nẵng, Khánh Hòa.

b. Những dạng sai sót trong hoạt động tín dụng được phát hiện qua công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ tại các chi nhánh

c. Kết quả chấn chỉnh sửa sai của các chi nhánh:

Tỷ lệ sửa sai tại các chi nhánh năm 2008 và 2009 nhìn chung đạt tỷ lệ thấp (45%-57%). Điều này cho thấy công tác sửa sai chưa triệt để, chứng tỏ hiệu lực của công tác kiểm tra, KSNB chưa cao, do đó sai sót vẫn còn lặp đi lặp lại nhiều lần.

2.4. Nhận xét về công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại các chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung

2.4.1. Những ưu điểm

- *Thứ nhất*, các chính sách, thủ tục cho vay được cụ thể bằng văn bản, quy trình cho vay được tuân thủ và thực hiện nghiêm túc.

- *Thứ hai*, đã hình thành được cơ cấu tổ chức đội ngũ cán bộ đảm bảo về cơ bản thực hiện công tác KSNB.

- *Thứ ba*, công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ được triển khai có kế hoạch, thực hiện đúng quy trình nghiệp vụ.

2.4.2. Những hạn chế

- *Thứ nhất*, việc phân công phân nhiệm trong quy trình cho vay và quản lý cho vay chưa chặt chẽ, thiếu tính kiểm soát. Trong quy trình cho vay, tuy có phân tách các khâu tiếp cận khách hàng, thẩm định, giải ngân, kiểm tra sau khi cho vay, thu nợ nhưng toàn bộ quy trình cho vay đều do 1 cán bộ tín dụng thực hiện là một kẽ hở dễ xảy ra sai sót do thông đồng tiêu cực và tình trạng quá tải, quản lý khách hàng không tốt.

- *Thứ hai*, công tác kiểm tra, thăm hỏi khách hàng của CBTD không thường xuyên, đôi khi việc kiểm tra chỉ mang tính hình thức.

Công tác này chưa được sự quan tâm, đôn đốc của lãnh đạo, chưa có văn bản quy định về thời gian kiểm tra sau khi cho vay, do đó tạo tâm lý chủ quan của CBTD, dẫn đến tình trạng CBTD chưa tiến hành kiểm tra, thăm hỏi khách hàng một cách thường xuyên, đầy đủ hoặc có kiểm tra nhưng phản ánh không đúng thực trạng tình hình của khách hàng vay vốn.

- *Thứ ba*, hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ tín dụng chưa đáp ứng yêu cầu của kiểm tra, KSNB hiện đại, còn nặng về hoạt động kiểm tra lại, chưa đánh giá được rủi ro trong hoạt động tín dụng.

+ *Về nhân sự*: Hoạt động của bộ phận kiểm tra, KSNB chưa đảm bảo tính khách quan do trực thuộc Ban Giám đốc chi nhánh.

Năng lực chuyên môn và kinh nghiệm công tác, đặc biệt là kỹ năng về kiểm tra của đội ngũ cán bộ kiểm tra, kiểm soát hiện nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác KSNB: chưa có trình độ đại học, còn hạn chế về trình độ vi tính và ngoại ngữ đã ảnh hưởng đến khả năng kiểm soát trên máy; thiếu kiến thức về các chuyên ngành về kiểm toán, luật. Bên cạnh đó, công tác đào tạo bộ phận này còn hạn chế số lượng và nội dung đào tạo.

Bố trí lực lượng KTKSNB còn quá mỏng so với mạng lưới hoạt động và tốc độ tăng trưởng của chi nhánh (Buôn Hồ, Quảng Nam, Gia Lai, Đắk Lắk, Đà Nẵng, Đắk Nông.).

+ *Về phương pháp kiểm tra tín dụng* chưa đáp ứng được nhu cầu của kiểm tra, kiểm soát nội bộ hiện đại.

Trong khi các mặt nghiệp vụ ngày càng đa dạng, luôn đổi mới và sử dụng công nghệ thông tin thì việc kiểm tra chủ yếu vẫn còn mang tính thủ công, chưa có phần mềm tin học hỗ trợ. Phương pháp kiểm tra tín dụng hiện nay nặng về kiểm tra tính tuân thủ và kiểm tra chi tiết, nội dung kiểm tra nặng về hoạt động kiểm tra lại chứ không tiếp cận một cách hệ thống và tổng thể nhằm phát hiện các rủi ro tiềm ẩn hay những điểm yếu trong quy trình để có thể đề xuất, kiến nghị sửa đổi, khắc phục.

- *Thứ tư*, xử lý kết quả kiểm tra chưa được thực hiện hết trách nhiệm, dẫn đến hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ tín dụng chưa cao.

Trong công tác KTKSNB, các chi nhánh chỉ tập trung cho công tác kiểm tra mà chưa chú trọng khâu phúc tra kết quả chấn chỉnh, sửa sai sau kiểm tra để đảm bảo tính hiệu lực của công tác này.

Kết luận chương 2

Trên cơ sở lý thuyết của chương 1, chương 2 đã mô tả tình hình hoạt động tín dụng, đi sâu nghiên cứu, phân tích hoạt động tín dụng và công tác KSNB đối với hoạt động tín dụng, đưa ra đánh giá chất lượng về công tác kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại các chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung với những ưu điểm và hạn chế trong quy trình cho vay, tổ chức bộ máy, các hoạt động kiểm soát, phương pháp kiểm soát. Đây chính là cơ sở để luận văn đưa ra những giải pháp và kiến nghị ở chương 3 nhằm tăng cường công tác KSNB đối với hoạt động tín dụng để công tác này đạt được hiệu quả và hiệu lực hơn trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI CÁC CHI NHÁNH NHNo&PTNT KHU VỰC MIỀN TRUNG

3.1. Sự cần thiết phải tăng cường kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại các Chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung

3.1.1. Những vấn đề đặt ra từ thực trạng kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại các Chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung

Từ kết quả đánh giá chương 2, kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng các Chi nhánh còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý chặt chẽ đối với hoạt động tín dụng. Trong khi đó, chất lượng tín dụng của các Chi nhánh còn thấp, nợ có dấu hiệu tiềm ẩn rủi ro cao vẫn gia tăng, chưa được kiểm tra, giám sát đúng mức. Điều này đặt ra vấn đề: quy chế, quy định, quy trình tín dụng vẫn còn chưa chặt chẽ; thẩm định tín dụng thiếu chính xác; trình độ cán bộ tín

dụng còn nhiều bất cập; công tác kiểm tra sau khi cho vay chưa được thực hiện đúng mức. Do đó tăng cường KSNB đối với hoạt động tín dụng tại các Chi nhánh khu vực miền Trung đang là vấn đề đặt ra.

3.1.2. Định hướng và mục tiêu phát triển hoạt động tín dụng của NHNo&PTNT Việt Nam giai đoạn 2010-2020

Mục tiêu phấn đấu về nguồn vốn bình quân 16-18 %/ năm; dư nợ tín dụng bình quân 14 - 16 %/năm; dư nợ trung, dài hạn chiếm tỷ trọng tối đa 40% tổng dư nợ; nợ xấu dưới 5%/ tổng dư nợ.

3.1.3. Phương hướng tăng cường KSNB đối với hoạt động tín dụng

- *Một là*, hoạt động tín dụng phải được cụ thể hóa bằng chính sách tín dụng khoa học, phù hợp với thực tiễn.

- *Hai là*, hoàn thiện quy trình xét duyệt cho vay, giám sát khoản vay một cách chặt chẽ, gắn với trách nhiệm của công tác cán bộ.

- *Ba là*, hệ thống thông tin khách hàng phải được cập nhật, xử lý bổ sung thường xuyên, đảm bảo tín xác thực, bảo đảm tính pháp lý

- *Bốn là*, hồ sơ kế toán, báo cáo kế toán nghiệp vụ tín dụng phải cung cấp được các thông tin trung thực, chính xác và kịp thời.

- *Năm là*, hoạt động kiểm tra, giám sát tập trung hướng tới giám sát rủi ro và tiềm ẩn rủi ro thay cho giám sát tuân thủ như trước đây.

- *Sáu là*, phát triển nguồn nhân lực của công tác kiểm tra đáp ứng được yêu cầu ứng dụng công nghệ tiên tiến.

- *Bảy là*, khống chế nợ xấu tại mỗi đơn vị dưới 3%.

Với những phương hướng như trên, các chi nhánh cần phải quan tâm đến việc xác định các thủ tục kiểm soát sẽ áp dụng trong hoạt động KSNB.

3.2. Một số giải pháp tăng cường công tác KSNB đối với hoạt động tín dụng

3.2.1. Tuân thủ đầy đủ nguyên tắc phân chia trách nhiệm trong quy trình xét duyệt cho vay và giải ngân

Để đảm bảo tính kiểm soát và khách quan trong quá trình giải quyết cho vay, cần tách biệt chức năng giải ngân, thu nợ không để cho CBTD thực hiện. Trong đó: Phòng tín dụng thành lập hai bộ phận: bộ phận cho vay và bộ giải ngân-thu nợ.

+ Bộ phận cho vay: Bộ phận này có trách nhiệm nhận hồ sơ xin vay, hướng dẫn thủ tục, hoàn chỉnh hồ sơ vay cho khách hàng, theo dõi tình hình sử dụng vốn vay, tài sản thế chấp, tình hình sản xuất kinh doanh của khách hàng, theo dõi thu hồi nợ gốc và lãi đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

+ Bộ phận giải ngân-thu nợ: Bố trí một phận chuyên trách giải ngân, thu nợ gốc và lãi, quản lý và lưu trữ hồ sơ cho vay. Bộ phận này trước khi giải ngân phát tiền vay cho khách phải kiểm soát hồ sơ chứng từ đảm bảo theo quy định.

3.2.2. Đổi mới quy trình kiểm tra sau khi cho vay

- Đối với khoản vay lớn (tùy quy mô của từng ngân hàng), sau khi cho vay tối đa 20 ngày phải cử một cán bộ khác đi kiểm tra.

- Tổ chức kiểm tra chéo định kỳ giữa các CBTD với nhau, nên tổ chức một năm từ 1-2 lần công tác đối chiếu toàn bộ các khoản tín dụng, CBTD kiểm tra khách hàng do CBTD khác quản lý.

3.2.3. Hoàn thiện mô hình tổ chức hệ thống kiểm tra, KSNB

3.2.3.1. Tổ chức lại hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ

Theo như cơ cấu tổ chức hệ thống KTKSNB hiện nay, phòng KTKSNB vẫn là một bộ phận của các chi nhánh NHNo, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban giám đốc nên nguyên tắc độc lập trong KSNB bị vi phạm. Vì vậy, cần có sự thay đổi lại bộ máy kiểm tra, KSNB trong cả hệ thống NHNo&PTNT Việt Nam.

Theo đó, NHNo&PTNT Việt Nam có thể tổ chức hệ thống KSNB thành hai mảng: kiểm toán nội bộ và kiểm soát quản trị điều hành:

* **Mảng kiểm toán nội bộ:** Do ủy ban kiểm toán thực hiện. Ủy ban kiểm toán nên được tổ chức thành thành các bộ phận chuyên trách và trực thuộc HĐQT, do HĐQT trả lương.

* **Mảng kiểm soát quản trị điều hành:** kiểm soát ngay trong quá trình tác nghiệp.

3.2.3.2. Tổ chức lại bộ phận kiểm toán nội bộ

Hiện nay, mô hình tổ chức của bộ phận kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ của NHNo&PTNT Việt Nam đang theo xu hướng hình thành song song hai hệ thống: KTNB và KTKSNB. Việc song song tồn tại hai bộ phận có những chức năng và nhiệm vụ trùng nhau dễ bị chông chéo gây lãng phí nguồn lực, kém hiệu quả.

Tuy nhiên xét về điều kiện thực tiễn, hệ thống KTKSNB luôn tồn tại từ trước đến nay cả trong thực tế, nếu xóa bỏ ngay sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc giải quyết vấn đề con người. Do đó, trong giai đoạn chuyển giao cần đến vai trò của bộ phận KTKSNB chuyên trách. Như vậy, phải cơ cấu kiện toàn lại bộ máy của hệ thống này trong điều kiện hoàn cảnh hiện nay có thể theo lộ trình sau:

Một là, tiếp tục củng cố bộ máy kiểm tra KSNB nhằm thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình để hỗ trợ cho bộ phận KTNB trong lúc còn non yếu chưa đảm nhiệm được công việc.

Hai là, khẩn trương hoàn chỉnh mô hình tổ chức đã được phê duyệt. Đẩy nhanh công tác tuyển dụng, đào tạo, chuẩn hóa đội ngũ KTNB, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho bộ phận này.

Ba là, sau thời gian khoảng từ 2-3 năm, khi bộ máy KTNB được kiện toàn đi vào hoạt động ổn định, đồng thời khi đã thiết lập

được môi trường kiểm soát tương đối hoàn hảo thì hai hệ thống này phải tập trung thống nhất về một hệ thống kiểm soát nội bộ.

3.2.4. Phát triển và hoàn thiện hoạt động kiểm tra, KSNB để đáp ứng yêu cầu của kiểm toán hiện đại

- Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ kiểm tra, KSNB

+ Cán bộ kiểm tra, kiểm soát phải có khả năng đủ để làm chủ công nghệ, xử lý được các dữ liệu trên máy.

+ Ban giám đốc cần ưu tiên nguồn lực một cách thích đáng cho bộ phận kiểm tra, KSNB. Tại các Chi nhánh: Buôn Hồ; Quảng Nam, Gia Lai, Đắk Lắk, Đà Nẵng, Đắk Nông, Quảng Trị hiện nay số lượng cán bộ kiểm tra, KSNB còn thiếu so với quy mô hoạt động. Để đảm bảo theo yêu cầu, cần bổ sung nhân lực cho phòng kiểm tra, KSNB. Lựa chọn những người có năng lực, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có kỹ năng về công tác kiểm tra, kiểm toán.

+ Quy định rõ chế độ quyền lợi và gắn trách nhiệm với kết quả kiểm tra để nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ KTKSNB.

+ Có sự luân chuyển cán bộ giữa cán bộ nghiệp vụ và cán bộ kiểm tra, KSNB sau một thời gian nhất định nhằm nâng cao nghiệp vụ

- Hoàn thiện phương pháp kiểm tra

Để khắc phục những hạn chế của phương pháp kiểm tra chi tiết được sử dụng trong công tác kiểm tra, KSNB, trong thời gian tới cán bộ kiểm tra, KSNB các Chi nhánh khu vực miền Trung nên đổi mới phương pháp kiểm tra bằng cách kết hợp kiểm tra chi tiết với kiểm tra hệ thống. Hai phương pháp này kết hợp với nhau phát huy những ưu điểm và khắc phục những nhược điểm của chúng.

- Về mục tiêu và công tác lập kế hoạch kiểm tra

Bên cạnh việc thực hiện chương trình kiểm tra theo kế hoạch đã lập ra, bộ phận KSNB phải có những cuộc kiểm tra đột xuất bất thường,

kiểm tra chéo giữa các ngân hàng trực thuộc về hoạt động tín dụng để các đơn vị được kiểm tra không thể đối phó với kế hoạch kiểm tra.

- Theo dõi kết quả khắc phục sau kiểm tra

Phòng kiểm tra, KSNB phải thành lập tổ chuyên trách giám sát quá trình chỉnh sửa và thực hiện các kiến nghị sau kiểm tra. Sau các đợt kiểm tra, Ban lãnh đạo Chi nhánh cần có văn bản chỉ đạo công tác khắc phục sửa sai và xác định thời gian phải hoàn thành. Căn cứ kết quả sửa sai, phòng kiểm tra KSNB hàng năm phải tổ chức phúc tra kết quả sửa sai sau kiểm tra.

3.2.5. Hệ thống hóa các văn bản cơ chế chính sách tín dụng thành tài liệu cẩm nang cho cán bộ tín dụng

Các chi nhánh cần phải thường xuyên rà soát hệ thống hóa các văn bản chế độ nghiệp vụ và thiết lập trên chương trình phần mềm quản lý một cách đầy đủ, khoa học, dễ tìm kiếm, dễ tra cứu tính hiệu lực. Đó chính là công cụ, kim chỉ nam cho cán bộ nghiệp vụ cũng như cán bộ kiểm tra dễ dàng tham chiếu khi thực hiện công việc.

3.2.6. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tín dụng

- Các chi nhánh phải có kế hoạch chi tiết trong việc đào tạo cán bộ tín dụng gắn với thường xuyên giáo dục đạo đức nghề nghiệp.

- Khuyến khích tinh thần tự học của mỗi cán bộ tín dụng.

- Bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ tín dụng đúng người, đúng việc, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Hàng năm có kế hoạch luân chuyển cán bộ tín dụng nhằm tránh tình trạng bị lạm dụng tín nhiệm và rủi ro đạo đức xảy ra.

- Có chính sách thưởng phạt nghiêm minh để nâng cao trách nhiệm đối với cán bộ tín dụng.

3.3. Những kiến nghị

3.3.1. Những kiến nghị đối với NHNN VN

Thứ nhất, NHNN cần sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách cụ thể, rõ ràng để tạo lập khung pháp lý hoàn thiện cho hoạt động tín dụng.

Thứ hai, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thông tin rủi ro của NHNN và NHTM, chỉ đạo các tổ chức tín dụng thực hiện tốt công tác thông tin tín dụng kịp thời, chính xác.

Thứ ba, NHNN cần nghiên cứu về mô hình của bộ máy kiểm soát nội bộ chuyên trách sao cho vừa phù hợp với điều kiện cụ thể vừa phù hợp với thông lệ tốt nhất. Điều có thể là NHNN nên đưa ra một lộ trình cụ thể (khoảng 2-3 năm) để các ngân hàng đủ thời gian xây dựng hệ thống kiểm toán nội bộ chuyên nghiệp, đủ mạnh đảm bảo thực hiện tốt mọi chức năng và nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ.

3.3.2. Những kiến nghị đối với NHNo&PTNT Việt Nam

Thứ nhất, sớm hoàn thiện mô hình tổ chức hoạt động KSNB.

Thứ hai, hiện nay NHNo&PTNT Việt Nam đã có Trung tâm đào tạo và cơ sở đào tạo ở các khu vực, do vậy nên tổ chức các khóa đào tạo cấp chứng chỉ kiểm tra viên, kiểm toán viên nội bộ.

Thứ ba, từng bước áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO trong từng quy trình nghiệp vụ, xây dựng hệ thống cảnh báo tại các chốt kiểm soát quan trọng trong mỗi quy trình kiểm soát chứng từ

Thứ tư, trang bị phần mềm tin học hỗ trợ cho công tác KSNB.

Thứ năm, hàng quý tổ chức giao ban giữa các Chi nhánh trong hệ thống theo cụm hoặc khu vực.

Kết luận Chương 3

Chương 3 tác giả đã nêu được sự cần thiết, phương hướng tăng cường kiểm soát nội bộ đối với hoạt động tín dụng tại các Chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung và đưa ra một số giải pháp và đề xuất một số kiến nghị với NHNN, NHNo&PTNT Việt Nam nhằm

hoàn thiện hơn về mô hình tổ chức và đổi mới hoạt động KSNB, đào tạo và xây dựng các phần mềm ứng dụng hỗ trợ cho công tác kiểm tra, kiểm soát ... để phù hợp với mục tiêu tăng cường công tác KSNB, nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng tại các Chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung.

KẾT LUẬN

Qua nội dung đã trình bày trong luận văn, chúng ta có thể thấy trong tình hình hiện nay để đảm bảo hoạt động kinh doanh Ngân hàng “phát triển-an toàn-hiệu quả” thì một trong những biện pháp hữu hiệu và quan trọng nhất là tăng cường công tác KTKSNB.

Trong đó KSNB đối với hoạt động tín dụng luôn đặt lên hàng đầu bởi đây là nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu của ngân hàng. Làm tốt công tác KSNB hoạt động tín dụng chính là góp phần hạn chế rủi ro cho phần lớn nguồn vốn của Ngân hàng. Song công tác KSNB tại các Chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung bên cạnh những kết quả đã đạt được bước đầu thì vẫn còn những điểm bất hợp lý, hạn chế làm cho công tác này chưa thực sự phát huy được hiệu quả và hiệu lực, chưa đáp ứng được nhu cầu giám sát, tư vấn của ban lãnh đạo ngân hàng. Đặc biệt trong bối cảnh các Ngân hàng cạnh tranh cao trên cùng một sân chơi bình đẳng thì việc tăng cường KSNB hoạt động tín dụng cùng với thực hiện tổng thể các giải pháp mới tại các Chi nhánh là một nhu cầu tất yếu mang tính chiến lược.

Với một số giải pháp và kiến nghị đề xuất trong luận văn, hy vọng có thể góp phần tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác KSNB đối với hoạt động tín dụng nhằm đảm bảo chất lượng hoạt động tín dụng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của các Chi nhánh NHNo&PTNT khu vực miền Trung trong thời gian tới.